

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 01/2020/HNGĐ-GĐT

Ngày: 07/01/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Cường

Ông Đặng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh - Thẩm tra viên của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Phạm Thị Út – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà K2/F14 Tổ 2x, Khu phố x, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà 5xx đường P, Khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T trình bày như sau:

Chị và anh Đ đăng ký kết hôn năm 2003; quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/12/2003 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 18/12/2009; tạo lập được khối tài sản chung gồm: (1) Quyền sử dụng đất thửa 2160, diện tích 113,2m² (trong đó có 100m² đất ở đô thị), tờ bản đồ số 10-7 theo giấy chứng nhận số BC 595969 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho anh Đ đứng tên ngày 09/9/2010, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 89,7m², tọa lạc tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một. (2) Quyền sử dụng đất thửa 2169, diện tích 178,4m² (trong đó có 137m² đất ở tại đô thị), tờ bản đồ số 10-7 theo giấy chứng nhận số BI 373172 do

Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho chị T đứng tên ngày 12/01/2012, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 137m², tọa lạc tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một. (3) Quyền sử dụng đất thửa 2170, diện tích 175,3m² (trong đó có 100m² đất ở tại đô thị), tờ bản đồ số 10-7 theo giấy chứng nhận số BU 921910 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp cho chị T đứng tên ngày 09/3/2015, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 131,3m², tọa lạc tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một. (4) Quyền sử dụng đất thửa 2178, diện tích 726,7m², tờ bản đồ số 10-7 theo giấy chứng nhận số BS 288680 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp cho chị T đứng tên ngày 08/01/2014, tọa lạc tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một. (5) Quyền sử dụng đất thửa 1942, diện tích 845,7m² (trong đó có 500m² đất ở tại đô thị), tờ bản đồ số 09-3 theo giấy chứng nhận số BK534386 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp cho chị T đứng tên ngày 22/6/2012, tọa lạc tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một.

Do không hợp tính tình và quan điểm sống khác biệt nên vợ chồng thường xuyên cự cãi gay gắt, ly thân hơn 04 năm. Năm 2018, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh Đông; yêu cầu được nuôi 02 người con chung và yêu cầu anh Đông cấp dưỡng cho con 5.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi; chia các tài sản chung nêu trên theo tỷ lệ 40% cho anh Đ và 60% cho chị vì chị có công sức đóng góp lớn hơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và đồng ý ly hôn. Nhưng anh yêu cầu được nuôi cháu Minh P, giao chị T nuôi cháu Hoàng P, không ai phải cấp dưỡng. Về tài sản, vợ chồng có công sức như nhau nên anh yêu cầu chia theo tỷ lệ 50% cho mỗi người.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 08/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung và chia tài sản khi ly hôn" đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/12/2003 và cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 18/12/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng P và cháu Nguyễn Minh P, với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/1con/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng P và cháu Nguyễn Minh P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức

cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản:

Giao cho chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 113,2m² (trong đó có 100m² đất ở đô thị), tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2160, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 595969 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH01475), do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 09/9/2010 mang tên anh Nguyễn Văn Đ (cập nhật đăng ký biến động ngày 07/9/2011); cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 178,4m² (trong đó có 137m² đất ở đô thị), tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2169, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 373172 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04019), do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 12/01/2012 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T (cập nhật đăng ký biến động ngày 13/01/2012 và ngày 29/12/2016); cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 845,7m² (trong đó có 500m² đất ở tại đô thị và 321,9m² nằm trong HLATĐB), tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 1942, tờ bản đồ số 09-3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 534386 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04735), do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 22/6/2012 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T (cập nhật đăng ký biến động ngày 05/9/2012 và ngày 29/8/2017);

(Có sơ đồ kèm theo)

Tổng giá trị tài sản mà chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T đương chia giao là 15.838.390.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Văn Đ được quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 175,3m² (đo đạc thực tế 170,8m², trong đó có 100m² đất ở tại đô thị) tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2170, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 921910 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 09/3/2015 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 726,7m² (trong đó có 45m² nằm trong HLATĐB) tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2178, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 288680 do Ủy

ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 08/01/2014 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T.

(Có sơ đồ kèm theo)

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Văn Đ được chia giao là 11.782.734.500 đồng.

Anh Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T giá trị tài sản chênh lệch là 734.284.700 đồng.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tiền án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, lãi suất chậm trả, quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nợ chung, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự).

Anh Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 09/2019/HNGĐ-PT ngày 29/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đối với tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

3. Sửa phần quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương về phân chia tài sản chung như sau:

3.1. Về tài sản:

- Giao cho chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 178,4m² (trong đó có 137m² đất ở đô thị), tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2169, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 373172 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04019), do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 12/01/2012 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T (cập nhật đăng ký biến động ngày 13/01/2012 và ngày 29/12/2016); cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 845,7m² (trong đó có 500m² đất ở tại đô thị và 321,9m² nằm trong HLATEDB), tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 1942, tờ bản đồ số 09-3, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 534386 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH04735), do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 22/6/2012 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T (cập nhật đăng ký biến động ngày 05/9/2012 và ngày 29/8/2017);

(Có sơ đồ kèm theo).

Tổng giá trị tài sản chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T được chia giao là 13.649.387.000 đồng.

- Giao cho anh Nguyễn Văn Đ được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 113,2m² (trong đó có 100m² đất ở đô thị), tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2160, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 595969 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH01475), do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 09/9/2010 mang tên anh Nguyễn Văn Đ (cập nhật đăng ký biến động ngày 07/9/2011); cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 175,3m² (đo đạc thực tế 170,8m², trong đó có 100m² đất ở tại đô thị) tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2170, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 921910 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 09/3/2015 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 726,7m² (trong đó có 45m² nằm trong HLATĐB) tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đất thuộc thửa số 2178, tờ bản đồ số 10-7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 288680 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 08/01/2014 mang tên chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T.

(Có sơ đồ kèm theo).

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Văn Đ được chia giao là 13.971.737.500 đồng.

Chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn Đ được quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia giao.

3.2. Anh Nguyễn Văn Đông có trách nhiệm hoàn trả cho chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T giá trị tài sản chênh lệch là: 161.175.250 đồng.

(Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về nợ chung, chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên trong giai đoạn thi hành án).

Ngày 17/4/2019, chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm Tú có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định kháng nghị số 17/2019/KN-HNGĐ ngày 07/11/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 09/2019/HNGĐ-PT ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy một phần bản án phúc thẩm nêu trên (đối với phần chia tài sản chung), giữ nguyên phần chia tài sản chung của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST

ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nghị đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận một phần kháng nghị số 17/2019/KN-HNGĐ ngày 07/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị hủy Bản án phúc thẩm, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với tranh chấp về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn Đ đã rút kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm đã đình chỉ yêu cầu kháng cáo này của anh Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Anh Đ và chị T thống nhất về khối tài sản chung anh chị tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân gồm 05 bất động sản đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đều tọa lạc tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có tổng giá trị là 27.621.124.500 đồng. Tại thời điểm giải quyết vụ án, không có ai tranh chấp với anh Đ, chị T về quyền đối với các bất động sản này. Do đó, có căn cứ xác định 05 bất động sản nêu trên là tài sản chung của anh Đ, chị T.

[3]. Chị T cho rằng, tuy các bất động sản được mua trong thời kỳ hôn nhân nhưng chủ yếu là do chị bỏ tiền ra mua, có thiếu nợ nên phải vay tiền của Ngân hàng để trả, sau khi ly thân, chị tiếp tục trả dần nợ Ngân hàng đến cuối năm 2016 mới hết nợ; chị còn là người nộp tiền chuyên mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thành đất ở. Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị T. Nhưng theo anh Đ trình bày thì trong thời gian chung sống, anh đã đưa thẻ ATM (tiền lương Bệnh viện trả qua thẻ) và toàn bộ thu nhập của phòng khám cho chị T quản lý, chi tiêu, đến khi ly thân thì tiền người nào kiếm được người đó chi tiêu riêng. Chị T cũng thừa nhận toàn bộ thu nhập của anh Đ (lương, tiền khám bệnh ở phòng khám), anh Đ đều đưa hết cho chị, khi ly thân thì thu nhập của ai người đó quản lý riêng.

Xét anh Đ, chị T đều là bác sĩ, đều có mở thêm phòng khám ngoài giờ để tăng thu nhập. Việc chị T trình bày tiền mua các thửa đất chủ yếu do chị bỏ ra không đồng nghĩa là chị T mua bằng tiền riêng của chị T, mà phải xác định là anh Đ có đóng góp thu nhập để cùng chị T tạo lập nên các bất động sản.

[4]. Ngoài thửa đất số 2160, tờ bản đồ số 10-7, diện tích 113,2 m² được anh Đ, chị T mua năm 2003 thì sau đó chị T còn ký các hợp đồng nhận chuyển nhượng những thửa đất sau: Thửa số 2169, tờ bản đồ số 10-7, diện tích 178,4 m² (trong đó có 137 m² đất ở); thửa số 2178, tờ bản đồ số 10-7, diện tích 726,7 m² và thửa số 1942, tờ bản đồ số 09-3, diện tích 845,7 m² (trong đó có 500 m² đất ở). Đối với thửa đất số 2178, tờ bản đồ số 10-7, diện tích 726,7 m², theo chị T trình bày thì tháng 12/2013 chị đã vay tiền của Ngân hàng BIDV để mua, sau khi ly thân, đến tháng 12/2016 chị mới trả xong nợ Ngân hàng. Anh Đ thừa

nhận: “Đối với phần đất 726,7 m² phần đất này do chị T tự mua và chị T vay nên chị T tự trả”. Việc chị T phải trả khoản nợ Ngân hàng sau khi ly thân chứng tỏ chị T có công sức đóng góp lớn hơn anh Đ trong việc tạo lập quyền sử dụng thửa đất số 2178, tờ bản đồ số 10-7, diện tích 726,7 m² nêu trên.

[5]. Ngày 22/10/2019, chị T xuất trình chứng cứ là “Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước” ngày 26/12/2016, thể hiện chị T đã nộp số tiền 877.256.703 đồng thuế chuyển mục đích sử dụng 137m² đất thuộc thửa số 2169, tờ bản đồ số 10-7 từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị và “Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước” ngày 24/8/2017, thể hiện chị T đã nộp số tiền 841.991.250 đồng thuế chuyển mục đích sử dụng 500m² đất thuộc thửa số 1942, tờ bản đồ số 09-3 từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị. Anh Đ thừa nhận: “*Tiền nộp chuyển mục đích sử dụng 500 m² đất trong tổng số 845,7 m² đất tôi không biết, nếu nộp thì do chị T nộp vì thời gian này vợ chồng đã ly thân*”.

Như vậy, sau khi ly thân, chị T đã nộp những khoản tiền lớn để chuyển mục đích sử dụng tổng cộng 637m² đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị. Do đó, mặc dù hai thửa đất này được mua trong thời gian chung sống vợ chồng, nhưng chị T là người có công sức đáng kể làm tăng giá trị của những diện tích đất này.

[6]. Đối với thửa đất số 2170, tờ bản đồ số 10-7, diện tích 175,3m² do chị T nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị D ngày 26/12/2014; thời điểm này chị T và anh Đ đã sống ly thân. Như vậy, mặc dù thời điểm này hôn nhân của chị T, anh Đ đang tồn tại nhưng việc tạo lập quyền sử dụng diện tích đất này hoàn toàn do công sức của chị T.

[7]. Mặt khác, khi ly hôn chị T là người nuôi cả hai con chung, trong đó cháu Hoàng P đang du học tại Canada với chi phí khoảng 1.000.000.000 đồng/năm, còn cháu Minh P đang học ở trường Quốc tế trong nước với chi phí khoảng 400.000.000 đồng/năm. Sau khi ly thân, anh Đ có góp cho chị T 200.000.000 đồng/năm để chi phí ăn học cho cháu Minh P; còn với cháu Hoàng P, anh Đ đồng ý cho rằng: “*Việc cháu Hoàng P đi du học ở Mỹ, Canada hết 1 tỷ/năm là do chị T tự quyết định, không hỏi ý kiến tôi nên toàn bộ chi phí chị T tự lo*”. Anh Đ xác nhận, sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thì anh cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của bản án (5.000.000 đồng/con/tháng). Như vậy, chị T đã phải chi phí lớn cho các con ăn học, trong khi sự chia sẻ của anh Đ chỉ chiếm phần rất nhỏ.

[8]. Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung cho chị T, anh Đ theo tỷ lệ chị T 60%, anh Đ 40% là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của chị T và các con của anh Đ, chị T. Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia cho mỗi bên đương sự hưởng 50% tài sản chung là không phù hợp, làm thiệt thòi về quyền và lợi ích hợp pháp của chị T.

[9]. Do Tòa án cấp phúc thẩm chỉ sửa bản án sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung; những vấn đề về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung không giải quyết. Việc chia tài sản chung của Tòa án cấp phúc thẩm không phù hợp như đã

phân tích ở trên, nên chấp nhận một phần kháng nghị, hủy Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần Kháng nghị số 17/2019/KN-HNGĐ ngày 07/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 09/2019/HNGĐ-PT ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giữa nguyên đơn là chị Lưu Hoàng Đoàn Thị Cẩm T với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Bình Dương;
- TAND Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Dầu Một, T. Bình Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKT, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Hồng Phong